

TẠI HIỆU BÁNH

Kịch bản: [Hải Hồ](#)

Người Đọc: Nguyễn Thương

Trong bài học này, anh Smith sẽ đến hiệu bánh và mua một số loại bánh. Một số từ vựng trong bài học này khá là khó để hiểu và vận dụng nên bạn cần học kĩ và tự phát triển cách sử dụng của các từ vựng khó để nắm chắc hơn kiến thức trong bài học nhé.
Trước hết, chúng ta hãy bắt đầu cuộc hội thoại như thường lệ.

- *Guten Morgen, bekommen Sie schon etwas?*
- *Ich möchte ein Stück Kuchen, bitte!*
- *Welcher Kuchen? Der hier?*
- *Nein, der dort, bitte. Da hinter. Der zweiten von links. Ist das Apfelkuchen?*
- *Nein. Das ist kein Apfelkuchen. Das ist Kirschkuchen. Möchten Sie Sahne auf dem Kuchen?*
- *Ja, bitte. Aber nur ein bisschen. Halt! Das ist genug. Danke.*
- *So, hier bitte. Guten Appetit.*
- *Danke*

Hãy nghe lại đoạn hội thoại thêm một lần nữa và sau đó chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ các từ vựng mới trong hội thoại

.....

Khi anh Smith đi vào cửa hàng, người trợ lý cửa hàng đã hỏi anh ấy là “anh đã chọn được cái gì chưa?”. Câu hỏi này sử dụng động từ....

- *Bekommen*

Hãy lắng nghe câu hỏi đó

- *Bekommen Sie schon etwas?*

Động từ bekommen, nghĩa là “nhận được”, “có được”, hoặc trong bối cảnh mua hàng, chúng ta có thể dịch là “chọn được”.

Nghe lại câu hỏi một lần nữa nhé.

- *Bekommen Sie schon etwas?*

Schon etwas, nghĩa là “đã.....cái gì”

Anh Smith đã nói rõ cái anh ấy muốn, anh ấy nói

- *Ich möchte ein Stück Kuchen*

Chúng ta đã được học cấu trúc của câu hỏi này trong bài học số 9 trước đó, cấu trúc này sử dụng động từ möchten, nghĩa là “muốn”.

Một số ví dụ thêm cho cách sử dụng động từ möchten, ví dụ có thể nói đơn giản là...

- *Ich möchte einen Croissant*

Hoặc là

- *Ich möchte einer Cola*

Croissant - Là cái bánh mì sừng trâu

Cô trợ lý bán hàng muốn biết chính xác loại bánh mà anh Smith muốn mua, hai câu hỏi ngắn của cô ấy là.

- *Welcher Kuchen?*

Và

- *Der hier?*

Anh Smith đã có ý định sẵn trong đầu về loại bánh muốn mua, anh ấy nói.

- *Der dort, bitte*

Nghĩa là “chiếc kia, làm ơn”

Trong bối cảnh câu nói này, thì *Der* là một đại từ chỉ định, và từ *Der* được bắt nguồn từ danh từ giống đực *Der Kuchen*. Giống như trong tiếng Việt, khi nói về danh từ chiếc bánh, thì từ *chiếc* cũng gần tương tự như từ *der* trong *der Kuchen*, và để nói tắt về vị trí chiếc bánh ở đằng kia cho ai đó, chúng ta có thể nói “chiếc kia”.

Trong trường hợp nói về danh từ giống cái, ví dụ bánh ngọt với nhân hoa quả, tiếng Đức gọi bánh ngọt nhân hoa quả là.

- *die Torte*

Thì anh Smith có thể nói

- *Die dort, bitte*

Cũng có nghĩa là “cái kia”, như cách giải thích cho từ đại từ chỉ định *Der* ở trước đó.

Quay lại đoạn hội thoại, trong cửa hàng có rất nhiều bánh, nên anh Smith cần phải nói cụ thể hơn về loại bánh anh ấy muốn, nên anh ấy đã nói “kia, đằng sau ấy”.

- *Da hinter*

Tình cờ là, để nói “đây, đằng trước ấy” thì trong tiếng Đức nói là

- *Da von*

Để đề phòng người trợ lý cửa hàng lấy nhầm loại bánh mà mình cần, a Smith nói

- *Der zweite von links*

Để tôi thử nói nhé, “*der zweiten von links*”, nghĩa là “cái thứ 2, tính từ bên trái”.

Tiện thể, để nói “cái thứ 3, tính từ bên phải” sẽ nói là.

- *Der dritte von rechts*

Trong trường hợp mà hàng hóa được sắp xếp trên kệ, và chúng ta muốn chọn cái ở hàng thứ 2 từ trên xuống, thì chúng ta nói.

- *Der zweite von oben*

Tương tự, để nói “cái thứ 3 từ dưới lên”

- *Der dritte von unten*

Anh Smith có một thắc mắc, đó là.

- *Ist das Apfelkuchen?*

Không!, người bán hàng nói.

- *Nein. Das ist kein Apfelkuchen*

Hãy lưu ý về câu phủ định “*das ist kein Apfelkuchen*” - nó không phải là bánh táo, nó là bánh dâu tây, người bán hàng nói tiếp.

- *Das ist Kirschkuchen*

Người trợ lý bán hàng cũng hỏi thêm là liệu anh Smith muốn kem ở trên bánh không, danh từ “kem” là.

- *Die Sahne*

Câu hỏi của cô ấy là

- *Möchten Sie Sahne auf dem Kuchen?*

Cụm từ mang nghĩa “trên cái bánh” là

- *Auf dem Kuchen*

Ok, anh Smith nói, nhưng chỉ một chút thôi, chúng ta đã được học từ vựng “một chút” ở trong bài học số 4 trước, khi một người nói

- *Ich spreche ein bisschen Spanisch*

Nghĩa là tôi nói một chút tiếng Tây Ban Nha

Với bài học này, thì anh Smith nói

- *Aber nur ein bisschen*

Aber nur, nghĩa là “nhưng chỉ”.

Khi cô trợ lý bán hàng đang cho kem vào bánh, anh Smith bỗng chặn lại bằng câu

- *Halt! Das ist genug.*

Trạng từ genug, nghĩa là “đủ rồi”. Hãy lấy thêm một vài ví dụ cho từ genug này, ví dụ như là câu “bạn có đủ tiền không” thì nói là

- *Hast du genug Geld*

Thêm một ví dụ nữa, nói “chúng ta có đủ thời gian” thì nói là

- *Wir haben genug Zeit*